TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2019/DS-ST
Ngày: 20-9-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Văn Tài

2. Ông Nguyễn Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân lộc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST- DS ngày 20/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2019/QĐST - DS ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị N, sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn M, sinh năm: 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. NLQ1, sinh năm: 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. NLQ2, sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

3. NLQ3, sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

4. NLQ 4, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

5. NLQ 5, sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, các biên bản lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày:* Vợ chồng bà có cho vợ chồng ông Nguyễn M - bà Phan Thị K vay tiền và vàng cụ thể như sau:

+ Ngày 09/9/2015 cho vay số tiền là 100.000.000 đồng; ngày 20/8/2016 cho vay số tiền là 563.000.000 đồng; ngày 14/9/2016 cho vay số tiền là 104.000.000 đồng, ngày 14/9/2016 cho vay số tiền là 120.000.000 đồng. Các lần cho vay đều viết giấy mượn tiền do ông Nguyễn M và bà Phan Thị K ký nhận, lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng, không thỏa thuận thời hạn thanh toán nợ, khi nào cần thì báo trước một thời gian.

+ Ngày 01/10/2016, ông Nguyễn M - bà Phan Thị K vay tiếp số tiền là 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng),* vay không lãi suất, thời hạn vay thỏa thuận khi nào cần thì bà báo trước cho bên vay, có viết giấy mượn tiền do ông Nguyễn M - bà Phan Thị K ký ghi họ tên xác nhậ n.

+ Ngày 05/7/2017 cho vay 13,5 chỉ vàng loại nữ trang 18k, vay không lãi suất, thời hạn vay thỏa thuận khi nào cần thì bà báo trước cho bên vay.

Khi bà yêu cầu thanh toán nợ, vợ chồng ông Nguyễn M - bà Phan Thị K yêu cầu cấn trừ khoản nợ bằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng các bên không thống nhất giá trị chuyển nhượng. Ngày 17/10/2016 bà Phan Thị Ki chết.

Nay, bà yêu cầu ông Nguyễn M và các con bà Kính là NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 phải thanh toán cho vợ chồng bà số tiền là 1.387.000.000 đồng và và giá trị 13,5 chỉ vàng loại vàng nữ trang 18k (tương đương 2.450.000đồng/chỉ x 13,5chỉ = 33.075.000đồng). Bà không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay và số vàng nên trên.

- *Theo các biên bản lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn M trình bày*: Ông và bà Phan Thị K là vợ chồng, do cần vốn làm ăn nên vợ chồng ông có vay của vợ chồng bà N nhiều lần tiền nhưng không nhớ cụ thể từng lần vay, ông xác định tổng số tiền vay là 1.387.000.000 đồng *(Một tỷ ba trăm tám mươi bảy triệu đồng)* và 13,5 chỉ vàng loại vàng nữ trang 18k. Ông thống nhất các giấy vay nợ do nguyên đơn cung cấp là chữ viết và chữ ký của ông và bà K. Do làm ăn thất bại nên khi phía bà N - NLQ1 yêu cầu thanh toán, vợ chồng ông chưa thanh toán được. Ông đồng ý với mức giá vàng loại vàng nữ trang 18k là 2.450.000 đồng/chỉ.

Ông đồng ý thanh toán số tiền 1.387.000.000 đồng và 13,5 chỉ vàng loại vàng nữ trang 18k cho bà N - NLQ1, nhưng ông đề nghị cho thêm thời gian để

thanh toán.

- *Theo các lời khai và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà N, ông yêu cầu ông M và người thừa kế của bà K phải thanh toán cho vợ chồng ông số tiền là 1.387.000.000 đồng và 13,5 chỉ vàng loại vàng nữ trang 18k, không yêu cầu tính lãi suất vay.

- *Tại các lời khai và phiên tòa người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị NLQ2 trình bày:* Chị là con ruột của bà K - ông M, bà K chết năm 2016, di sản của bà K chưa chia. Chị thống nhất với lời trình bày của ông M, không bổ sung gì thêm. Chị đồng ý cùng ông M thanh toán số tiền 1.387.000.000 đồng và giá trị 13,5 chỉ vàng loại vàng nữ trang 18k (theo giá là: 2.450.000đồng/chỉ) cho bà N - NLQ1, nhưng chị đề nghị cho thêm thời gian để thanh toán

- *Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NLQ3 trình bày*: Anh là con ruột của bà K - ông M, bà K chết năm 2016, di sản của bà K chưa chia. Anh thống nhất với lời trình bày của ông M, không bổ sung gì thêm. Anh đồng ý cùng ông M thanh toán số tiền 1.387.000.000 đồng và giá trị 13,5 chỉ vàng loại vàng nữ trang 18k (theo giá là: 2.450.000đồng/chỉ) cho bà N - NLQ1, nhưng anh đề nghị cho thêm thời gian để thanh toán

- *Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NLQ4 trình bày*: Anh là con ruột của bà K - ông M. Bà Kính chết năm 2016, di sản của bà K chưa chia. Anh thống nhất với lời trình bày của ông M, không bổ sung gì thêm. Anh đồng ý cùng ông M thanh toán số tiền 1.387.000.000 đồng và giá trị 13,5 chỉ vàng loại vàng nữ trang 18k (theo giá là: 2.450.000đồng/chỉ) cho bà N - NLQ1.

- *Tại các lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NNLQ5 trình bày:* Anh là con ruột của bà K - ông M, bà K đã chết ngày 17/10/2016 không để lại di chúc. Anh đồng ý cùng ông M thanh toán số tiền 1.387.000.000 đồng và giá trị 13,5 chỉ vàng loại vàng nữ trang 18k cho bà N - NLQ1.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án sơ thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn M cùng các con của bà Phan Thị

K là NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 liên đới thanh toán cho bà Phan Thị N và ông NLQ1 số tiền là: 1.387.000.000 đồng và giá trị 13,5 chỉ vàng loại vàng nữ trang 18k. Nguyên đơn không yêu cầu lãi suất nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Phan Thị N xác định ông Nguyễn M -bà Phan Thị K vay tiền với số tiền 1.387.000.000 đồng và 13,5 chỉ vàng 18k nhưng ông M- bà K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay, bà N khởi kiện yêu cầu ông M thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luậ t dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: ông Minh có nơi cư trú tại ấp C, xã B, huyệ n X, tỉnh Đồng Nai nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu giải quyết vụ án: Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng không có thời hạn, chỉ thanh toán khi bên vay báo trước một thời gian, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, nên nguyên đơn khởi kiện vào ngày 16/5/2019. Do giao dịch dân sự được thực hiện vào năm 2015 và đang thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ dân sự năm 2015, nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ dân sự năm 2015.

[4] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà N khởi kiện ông Nguyễn M nên xác định bà N tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn, ông M tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án. Bà N trình bày số tiền trên là tài sản chung của vợ chồng, nên xác định ông NLQ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, theo Điều 68 Bộ dân sự năm 2015

Ông Nguyễn M trình bày ông cùng bà Phan Thị K có vay NLQ1 -bà N số tiền là 1.387.000.000đồng và 13,5 chỉ vàng loại 18k, do bà K chết ngày 17/10/2016 không để lại di chúc, di sản của bà K chưa chia, nên xác định ông Nguyễn M, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 là hàng thừa kế thứ nhất của bà Kính là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo Điều 68 Bộ dân sự năm 2015.

[5] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa, anh NLQ5 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của

Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt anh NLQ5.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn xác định ông Nguyễn M và bà Phan Thị K vay tiền nhiều lần bao gồm số tiền là 887.000.000 đồng, hợp đồng vay đối với số tiền trên là hợp đồng vay không có kỳ hạn, có lãi suất; và số tiền số tiền 500.000.000 đồng và 13,5 chỉ vàng loại nữ trang 18k là loại hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là giấy vay tiền thể hiện nội dung vay và chữ ký của ông Nguyễn M và bà Phan Thị K (Bút lục số 31,32,33,34, 35).

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đều được bị đơn là ông Nguyễn M và những người thừa kế của bà K thừa nhận, đồng thời xác định số tiền chưa thanh toán cho nguyên đơn là 1.387.000.000 đồng và 13,5 chỉ vàng loại 18k. Do đó các giấy vay tiền là chứng cứ để giải quyết trong vụ án theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn yêu cầu thanh toán giá trị:13,5 chỉ vàng loại 18k với mức giá là 2.450.000 đồng/chỉ; ông M, NLQ2, NLQ3, NLQ4 cùng thống nhất với mức giá vàng là 2.450.000 đồng/chỉ. Xét thấy, giá vàng mà nguyên đơn yêu cầu phù hợp với giá vàng giao dịch trên thị trường tại thời điểm xét xử (vàng loại 18k giá mua vào là 2.450.000đồng/chỉ, giá bán ra là 2.650.000đồng/chỉ theo biên bản xác minh giá vàng ngày 20/9/2019), nên chấp nhận.

Nguyên đơn và bị đơn cung cấp trích lục khai tử thể hiện bà Phan Thị K chết ngày 17/10/2016 (Bút lục 29, 55). Theo quy định tại Điều 633, Điều 636, Điều 637 của Bộ luật Dân sự năm 2005, kể từ thời điểm mở thừa kế (ngày 17/10/2016), những người thừa kế của bà Phan Thị K có các quyền, nghĩa vụ tài sản do bà Phan Thị K để lại. Theo lời khai của ông M và NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 xác định ông M và bà K có tài sản chung là thửa đất số 368 tờ bản đồ 06 (nay là thửa 167 tờ bản đồ 05 ấp c, xã b) thửa đất chưa giao dịch.

Tại Công văn số 136/VPĐK ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh X cung cấp thông tin: Thửa đất số 368, tờ bản đồ số 06 xã B, được Ủy ban nhân dân huyện X cấp Giấy chứng nhận số K 214253 cho hộ ông Nguyễn M ngày 29/7/1997, chủ sử dụng đất chưa thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận theo bản đồ đo mới. Theo xác nhận của UBND xã B thửa đất số 368, tờ bản đồ số 06 xã B nay thuộc thửa mới là 167 tờ đồ 06 ấp C, xã B. Hiện nay, nhà đất trên vẫn đứng tên hộ ông Nguyễn M. Đồng thời, nguyên đơn trình bày cha mẹ ruột bà Phan Thị Ki là ông Phan Văn P, sinh năm 1931 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1929 đã chết, và cung cấp trích lục khai tử của cha mẹ ruột bà K (Bút lục số 56, 57), nội dung trên cũng được bị đơn thừa nhận; Bà K

chỉ có ông M là chồng cùng 4 người con là NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 ; ngoài ra bà K không có cha mẹ nuôi, con nuôi hay con riêng nào khác. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của bà Phan Thị K gồm: ông Nguyễn M, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 .

Từ những tài liệu, chứng cứ và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để xác định bà Phan Thị K chết có để lại di sản và di sản này chưa được chia. Như vậy, khi khoản nợ của bà Phan Thị K - ông Nguyễn M đến hạn, nhưng ông Nguyễn M và NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 (là người thừa kế quyền, nghĩa vụ đối với tài sản do bà Phan Thị K để lại), đã không thực hiện việc trả nợ cho bà Phan Thị N, là xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn M, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền là 1.387.000.000 đồng và giá trị 13,5 chỉ vàng loại 18k là có căn cứ chấp nhận.

Do vậy, cần buộc ông Nguyễn M cùng NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 liên đới thanh toán cho bà Phan Thị N và NLQ1 số tiền là: 1.387.000.000 đồng và giá trị 13,5 chỉ vàng loại vàng nữ trang 18k (thành tiền là 33.075.000đồng).

Về nghĩa vụ thanh toán nợ theo phần**:** Tại thời điểm xét xử, nguyên đơn xác định ông M và bà K vay số tiền là 1.387.000.000 đồng và 13,5 chỉ vàng loại 18k (thành tiền là 33.075.000đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng, ông M là chồng của K, đồng thời là người cùng bà K vay tiền và ký tên vào các giấy mượn tiền ngày 09/9/2015, ngày 20/8/2016, ngày 14/9/2016; ngày 14/9/2016; ngày 01/10/2016. Như vậy, ông Nguyễn M phải có trách nhiệm thanh toán đối với ½ khoản nợ trên, cụ thể: 1.420.075.000 đồng : 2 = 710.037.500 đồng.

½ khoản nợ còn lại là nghĩa vụ của bà Phan Thị K sẽ được chia đều cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phan Thị K gồm ông Nguyễn M, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 mỗi người có trách nhiệm thanh toán số tiền là: 710.037.500 đồng : 5 = 142.007.500đồng.

Như vậy, trách nhiệm cụ thể của các đương sự được xác định như sau:

- Ông Nguyễn M phải thanh toán cho bà Phan Thị N - NLQ1 số tiền là: 852.045.000 đồng

- NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 mỗi người phải thanh toán cho bà Phan Thị N - NLQ1 số tiền là 142.007.500đồng.

[7] Về lãi suất**:** Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2019/QĐ-BPKCTT ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện X, do yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N

được chấp nhận nên được thi hành theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Cho người đã thực hiện biện pháp bảo đảm là bà Phan Thị Nơ được nhận lại toàn bộ tài sản bảo đảm là số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu*) tại tài khoản tạm gửi số: 5902201003816 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việ t Nam, chi nhánh huyện X.

[9] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Ông Nguyễn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 852.045.000 đồng mà ông M phải thanh toán cho bà N - NLQ1. Tuy nhiên, ông Nguyễn M có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp người cao tuổi (trên 60 tuổi) theo Điều 3 Luật người cao tuổi nên miễn tiền án phí dân sự ông M phải nộp là phù hợp với quy quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016.

- NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho bà N - NLQ1 là: 142.007.500đồng. Cụ thể: 142.007.500đồng x 5% = 7.100.000 đồng.

- Hoàn trả cho bà Phan Thị N số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 93, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 469 Bộ dân sự năm 2015; Các Điều 633, 634, 636, 637 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị N.

Buộc ông Nguyễn M, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Phan Thị N - ông NLQ1 số tiền là: 1.420.075.000 đồng *(Một tỷ bốn trăm hai mươi triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)*. Phân chia theo phần cụ thể như sau:

+ Ông Nguyễn M phải thanh toán cho bà Phan Thị N - ông NLQ1 số tiền là: 852.045.000 đồng *(Tám trăm năm mươi hai triệu không trăm bốn mươi lăm ngàn*

đồng).

+ NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 mỗi người phải thanh toán cho bà Phan Thị N - ông NLQ1 số tiền 142.007.500đồng *(Một trăm bốn mươi hai triệu không trăm lẻ bảy ngàn năm trăm đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 03/2019/QĐ-BPKCTT ngày 19/6/2019 được thi hành theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Cho người đã thực hiện biện pháp bảo đảm là bà Phan Thị N được nhận lại toàn bộ tài sản bảo đảm là số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu)* tại tài khoản tạm gửi số: 5902201003816 của Tòa án nhân dân huyện X, tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thônViệt Nam, chi nhánh huyện X.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn M được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 mỗi người phải nộp là số tiền: 7.100.000 đồng *(Bảy triệu một trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Phan Thị N số tiền là: 31.133.500 đồng *(Ba mươi một triệu một trăm ba mươi ba ngàn năm trăm đồng)* tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 007438 ngày 14/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X.

Các Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND. tỉnh Đồng Nai.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND H. Xuân Lộc.
- Thi hành án dân sự H. Xuân Lộc.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn .
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thanh